

Bản án số: 25/2020/HCST

Ngày: 28/5/2020

*“V/v khiếu kiện Quyết định giải quyết
khiếu nại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Duy Ước**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Anh Tuấn** và ông **Đặng Đình Thúy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Thị Tường** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Châu Loan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/5/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **78/2019/TLST- HC** ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐST- HC ngày 14/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị N (Chết ngày 26/12/2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị T Giang, anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn H; *Nơi cư trú:* Thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Số 219, đường N, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Tường H - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh (theo quyết định ủy quyền số 120/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt, có đơn xin xử án vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Cao D - Phó giám đốc Sở tài nguyên và môi trường, có mặt và ông Vũ Kiên C – Trưởng ban dân tộc Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt.)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: Phường Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn L - Chức vụ: Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông Triều. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T - chức vụ: Chủ tịch xã. Vắng mặt, có đơn xin xử án vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thanh G, anh Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn H; *Nơi cư trú:* Thôn T, xã H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai, đối thoại, phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện trình bày có nội dung sau:

Bà Nguyễn Thị N **có thửa đất** tại thôn T, xã H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh có nguồn gốc sử dụng từ năm 1973 để ở. Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thị xã Đông Triều đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nhung diện tích 1.000m² trong đó đất ONT là 400m² và đất CLN là 600m² theo giấy chứng nhận số H01432 ngày 31/12/2005.

Năm 2007, bà N chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn H một phần thửa đất 354,8m² trong đó đất ở 68,8m² và đất vườn 286m² thuộc diện tích tại giấy chứng nhận số H01432 ngày 31/12/2005.

Năm 2016, thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18A, ngày 12/6/2017, UBND thị xã Đông Triều đã ban hành Quyết định số 457/QĐ - UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ cá nhân bị thu hồi đất để thực hiện dự án trong đó có hộ bà Nguyễn Thị N được bồi thường cây cối và công trình trên đất 2.633.000đ, phần đất giải phóng mặt bằng 28m² không được bồi thường.

Không đồng ý với việc giải phóng mặt bằng và không thực hiện bồi thường cho bà N nên bà N đã có đơn kiến nghị đến UBND thị xã Đông Triều và được UBND thị xã Đông Triều trả lời bằng văn bản số 2476/UBND nhưng bà N không đồng ý nên đã khiếu nại đến UBND thị xã Đông Triều để yêu cầu được bồi thường theo quy định. Ngày 10/01/2018, Chủ tịch UBND thị xã Đông Triều ban hành Quyết định số 30/QĐ - UBND giải quyết khiếu nại và giữ nguyên văn bản số 2476/UBND.

Bà N tiếp tục khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh và được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2879/QĐ - UBND ngày 31/7/2018 không chấp nhận khiếu nại của bà N và giữ nguyên Quyết định số 30/QĐ - UBND.

Bà N cho rằng Quyết định giải quyết khiếu nại không đúng nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 2879/QĐ - UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh. Trên cơ sở đó, giải quyết buộc UBND thị xã Đông Triều giải quyết bồi thường về đất cho bà N.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ bà N cung cấp các tài liệu chứng cứ về nguồn gốc và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các quyết định giải quyết khiếu nại...và trình bày diện tích đất giải phóng mặt bằng có nguồn gốc do gia đình bà N khai phá, theo hồ sơ cải tạo nâng cấp quốc lộ 18A năm 1996 xác định khoảng cách từ tim đường đến mép đường cũ là 4m. Theo kết luận của Thanh tra ngày 07/6/2002

thì hết chiều rộng hành lang đường 18A là 2,7m nên chiều rộng tính từ tim đường đến hết hành lang chỉ là 6,7m. Năm 1995 - 1997 nhà nước có giải phóng mặt bằng mở rộng đường 18A rộng 12m nhưng chưa bồi thường về đất cho gia đình bà N và phần đất hành lang bà N vẫn quản lý sử dụng đến khi giải phóng mặt bằng. Năm 2007, UBND thị xã Đông Triều cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N đã trừ ranh giới cách tim đường 8,7m là đã trừ vượt quá 2m vào sâu phần diện tích đất sử dụng hợp pháp nên 2 m đất này là đất hợp pháp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đủ điều kiện để được bồi thường.

Theo văn bản ý kiến và bản tự khai của người bị kiện trình bày: Hộ bà N sử dụng đất có nguồn gốc trước năm 1980 được thể hiện tại đơn xin làm chế độ đất ở. Ngày 10/7/2003, Công ty xây dựng công trình 120 - Tổng công ty xây dựng công trình giao thông xác nhận: Bà N là công nhân của công ty đã nghỉ hưu, hiện đang ở trên đất trước kia thuộc đường sắt quản lý từ năm 1973 đến nay, thuộc ga Y, xã H, huyện Đông Triều. Công ty XDCT 120 (Công ty đường sắt) đồng ý và đề nghị chính quyền địa phương làm thủ tục cấp bìa đỏ cho gia đình trên diện tích đất trên; Ngày 20/8/1994, bà N có đơn xin cấp đất làm nhà nội dung: Đề nghị UBND xã xét cấp cho tôi mảnh đất để tôi làm nhà ở nhưng đơn không ghi rõ diện tích, không có sơ đồ mảnh đất và đã được UBND xã xác nhận và ngày 20/2/1995 UBND xã thu của bà N 1.000.000đ tiền lệ phí đất vườn ở (xen cư); Năm 1996, khi mở rộng quốc lộ 18A bà N có được lập phương án bồi thường tại biên bản ngày 14/4/1996 thể hiện ranh giới thu hồi (chân ta luy) còn ở phía ngoài ranh giới thửa đất của bà N và không thu hồi vào thửa đất 594m² bà Nhung đang quản lý và có khoảng cách từ ranh giới thửa đất đến tim đường là 9,4m và 10,5m tính trung bình 9,95m.

Năm 2005, bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2007 khi tách đất cho con thì hồ sơ đều thể hiện ranh giới thửa đất cách tim đường 8,7m trong đó hành lang đường là 2,7m.

Năm 2016, thực hiện mở rộng Quốc lộ 18A có chỉ giới giải phóng mặt bằng theo biên bản 02/3/2016 xác định từ tim đường đến chỉ giới giải phóng mặt bằng là 8,46m nên diện tích giải phóng mặt bằng năm 2016 là 28m (8,7m - 8,46m x chiều rộng phía trước thửa đất) nằm trong hành lang đường và chưa giải phóng đến ranh giới thửa đất của hộ bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngoài thửa đất của bà N theo bản đồ địa chính.

Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật đất đai 2013 diện tích đất giải phóng mặt bằng 28m² phía trước thửa đất hộ bà N không đủ điều kiện được bồi thường nên việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh là đúng pháp luật.

Theo văn bản ý kiến và bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều: Trình bày thống nhất với nội dung của người bị kiện và không có yêu cầu độc lập.

- Ủy ban nhân dân xã H: Trình bày thống nhất với người bị kiện và không có yêu cầu độc lập.

- Chị Nguyễn Thị Thanh G, anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn H: Trình bày thống nhất với người khởi kiện và không có yêu cầu độc lập.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổ chức đối thoại nhưng không thành.

Ngày 26/12/2019, bà Nguyễn Thị N chết, các con bà N gồm chị Nguyễn Thị Thanh G, anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn H đều có quan điểm nhận kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện vẫn trình bày như nội dung trên và cho rằng diện tích thu hồi của bà N có trước 1980 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày thống nhất như nội dung đã trình bày ở trên và cho rằng diện tích đất thu hồi là đất hành lang giao thông nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung trình bày như trên.

Các đương sự không cung cấp chứng cứ mới:

Trong phần tranh luận: Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nêu quan điểm tranh luận các nội dung như đã trình bày tại phiên tòa nhưng Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện không tranh luận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và giải quyết nội dung vụ án: Về việc tuân theo pháp luật: Thủ tục thụ lý, giải quyết vụ án và người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng đảm bảo đúng pháp luật; Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục thụ lý: Ngày 12/6/2017, UBND thị xã Đông Triều đã ban hành Quyết định số 457/QĐ - UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ cá nhân bị thu hồi đất trong đó có hộ bà Nguyễn Thị N; Ngày 13/9/2017, UBND thị xã Đông Triều ban hành bằng văn bản số 2476/UBND trả lời bà Nhung về kiến nghị bồi thường đất; Ngày 10/01/2018, Chủ tịch UBND thị xã Đông Triều ban hành Quyết định số 30/QĐ - UBND giải quyết khiếu nại và giữ nguyên văn bản số 2476/UBND; Ngày 31/7/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2879/QĐ - UBND không chấp nhận khiếu nại của bà Nhung và giữ nguyên Quyết định số 30/QĐ - UBND. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nên **bà N** đã khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2879/QĐ - UBND đây là quyết định hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 14 Điều 22 Luật đất đai 2013 và là quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính, việc khởi kiện còn trong thời hiệu theo quy định.

Đối với các Quyết định số 457/QĐ - UBND, Quyết định số 30/QĐ - UBND và văn bản số 2476/UBND không bị khiếu kiện nhưng là các quyết định có liên quan đến Quyết

định bị khởi kiện nên Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của các Quyết định này theo quy định tại Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: *Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2879/QĐ - UBND và các Quyết định hành chính có liên quan.*

- Hình thức và căn cứ: Quyết định số 2879/QĐ - UBND và các quyết định hành chính liên quan gồm Quyết định số 457/QĐ - UBND, Quyết định số 30/QĐ - UBND, văn bản số 2476/UBND đều được ban hành tuân thủ đúng về hình thức và các căn cứ pháp lý được áp dụng đều là văn bản pháp luật hiện hành đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành Quyết định nên phù hợp với pháp luật.

Căn cứ xác định diện tích đất giải phóng mặt bằng: Theo bản chứng nhận nhà đất của UBND xã H, thị xã Đông Triều ngày 20/8/2016 xác định hiện trạng đất của bà N sử dụng 473,6m², phần chịu ảnh hưởng giải phóng mặt bằng 28m² thuộc thửa đất số 657, trong đó theo bản đồ địa chính năm 2007 thửa đất bà N có diện tích 411,2m², diện tích đất trong thửa địa chính sử dụng ổn định từ trước năm 1993, trên phần đất giải phóng mặt bằng là sân bê tông, trồng cây na, bàng, trứng cá; vị trí thửa đất theo sơ đồ đất giải phóng mặt bằng tỷ lệ 1/500 kèm theo biên bản ngày 14/4/1998 được thể hiện từ tim đường vào đến ranh giới thửa đất (Thửa đất được giới hạn các điểm (A, B, C, D...F, A) có khoảng cách hai bên đến tim đường là 9,4m và 10,5m, bình quân 9,95m; Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện diện tích đất năm 2005 có diện tích 1.000m² trong đó 600m² đất CLN và 400m² đất ONT, vị trí thửa đất tính từ tim đường vào đến ranh giới thửa đất có khoảng cách 8,7m (trong đó có 2,7m hành lang giao thông còn lại là mặt đường), Hồ sơ tách thửa năm 2007 bà Nhung cho con trai một phần đất (68,8m² đất ở và 286m² đất vườn) và cấp lại sổ đỏ bà N còn 411,2m² (Đất ở nông thôn 193,5m² và đất trồng cây lâu năm 217,7m²), vị trí thửa đất có ranh giới thửa đất cách tim đường 18A là 8,7m. Như vậy, qua nhiều lần kê khai, xác nhận ranh giới thửa đất năm 2005, 2007 bà N đều thừa nhận khoảng cách từ tim đường vào đến ranh giới thửa đất có khoảng cách 8,7m (trong đó có 2,7m đất hành lang giao thông). Các lần được cấp giấy chứng nhận bà Nhung không có khiếu nại gì nên đây là căn cứ để xác định phần đất phía ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngoài thửa địa chính, diện đất giải phóng mặt bằng được xác định tại bản mô tả ranh giới mốc giới ngày 2/3/2016 do bà N ký nhận phần đất phía trước trong phạm vi chỉ giới giải phóng mặt bằng (8,7m - 7,77m x chiều rộng thửa đất) là 28m² cách thửa đất được cấp giấy chứng nhận 0,94m nên không thuộc quyền sử dụng của hộ bà N.

Căn cứ đền bù, giải phóng mặt bằng: Trên diện tích đất giải phóng mặt bằng theo biên bản kê khai có sân bê tông, cây na, bàng, trứng cá và đã được lập phương án bồi thường theo đúng quy định là căn cứ để bồi thường cho bà N.

- Nội dung **Quyết định số 2879/QĐ - UBND và các quyết định hành chính liên quan** gồm Quyết định số 457/QĐ - UBND, **Quyết định số 30/QĐ - UBND**, văn bản số 2476/UBND: Trên cơ sở xác định nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất như trên đã xác định được diện tích đất thuộc diện GPMB nằm trong phạm vi hành lang giao thông và ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngoài bản đồ địa chính nên UBND thị xã Đông Triều không thu hồi và không bồi thường về đất 28m² nhưng thực hiện bồi thường đầy đủ giá trị phần kiến trúc (sân bê tông) và cây cối trên đất số tiền 2.633.000đ cho bà

Nhưng là đảm bảo quyền lợi cho bà N theo đúng quy định nên quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã Đông Triều và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh không chấp nhận khiếu nại đối với bà N là đúng pháp luật và không xâm phạm quyền lợi của bà N.

Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn, thời hiệu: Quyết định số 2879/QĐ - UBND và các quyết định hành chính liên quan gồm Quyết định số 457/QĐ - UBND, Quyết định số 30/QĐ - UBND, văn bản số 2476/UBND được ban hành đúng quy định được thực hiện theo đúng Điều 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại. Các bên đương sự đều thống nhất về trình tự, thủ tục, thẩm quyền nên phù hợp với pháp luật.

Xét mối quan hệ giữa Quyết định 2879/QĐ - UBND với quyền và lợi ích của người khởi kiện: Quyết định giải quyết khiếu nại là quyết định có nội dung giải quyết bác yêu cầu khiếu nại của người khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường đất, xác định diện tích và loại đất có quan hệ trực tiếp đến quyền lợi của người khởi kiện.

Đối với yêu cầu được bồi thường về đất, xác định diện tích đất bồi thường, loại đất bồi thường là đất ở: Như đã nhận định ở trên thì các yêu cầu này không có cơ sở chấp nhận.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người khởi kiện, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là phù hợp với pháp luật.

Từ phân tích trên HĐXX có đủ cơ sở kết luận Quyết định số 2879/QĐ - UBND và các quyết định hành chính liên quan gồm Quyết định số 457/QĐ - UBND, Quyết định số 30/QĐ - UBND, văn bản số 2476/UBND đều phù hợp pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Người khởi kiện phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định khoản 1 Điều 59; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện- bà Nguyễn Thị N (đã chết) người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị Thanh G, anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn H về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 2879/QĐ - UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh. Trên cơ sở đó yêu cầu buộc UBND thị xã Đông Triều giải quyết bồi thường về đất cho bà Nguyễn Thị N.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thanh G, anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai nộp tiền án phí số 0007262 ngày 12/3/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh được trừ vào án phí phải chịu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu Tòa HC, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Duy Ước